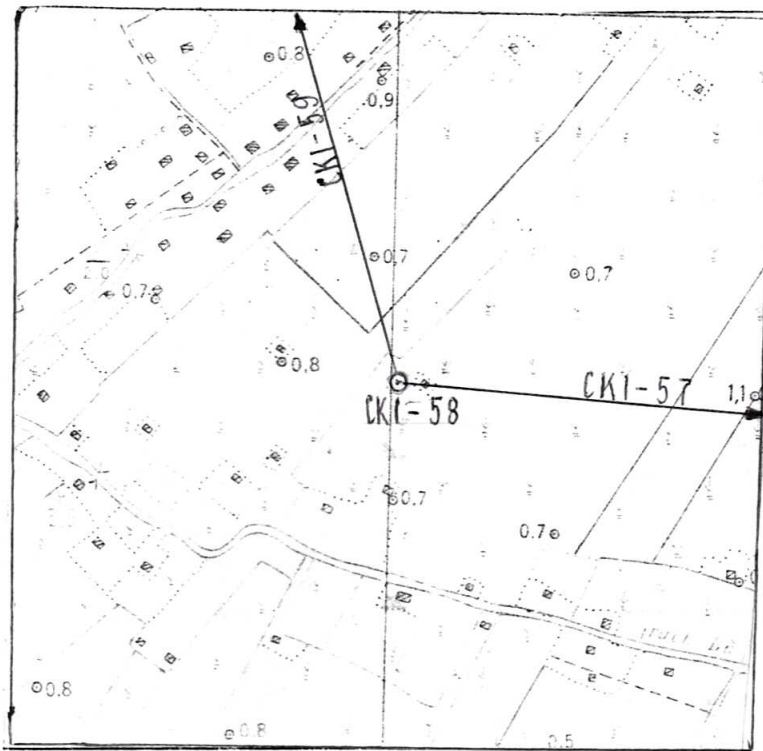


GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm: Số hiệu: CKI-58 Mảnh bản đồ: C-48-81-A-a-5.
 Phương pháp đo: Đường chuyền Cấp, hạng : ĐC I
 Trị giá khái lược Độ cao: 1.0 m Kinh độ : 106° 04.0
 Vĩ độ : 9 56.0
 Loại đất: Đất tư Chất đất: đất thịt
 Nơi đặt mốc: Thôn (bản, làng): Trã Met Xã (thị trấn, phường): Thông Hoa
 Huyện (Quận): Cầu Kè Tỉnh (Thành phố): Trà Vinh
 Nơi ở gần nhất: Nhà ông Nguyễn Văn Cúc Khoảng cách tới điểm: 50 m km
 Người chọn: Nguyễn Đức Khỏe Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính và công trình
 Ngày 13 tháng 3 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ: 1/10.000

Điểm thông hướng:

B (Tên, số hiệu, cấp hạng điểm liên quan mà từ mặt đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm:

CKI-57
CKI-59

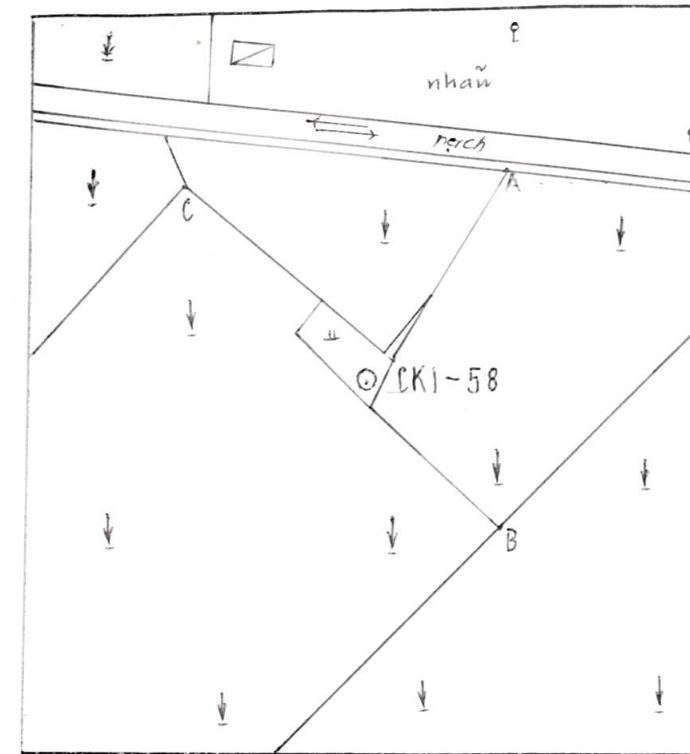
Họ, tên, địa chỉ người dẫn đường:

Nguyễn Văn Cúc
 Ấp: Trã Met
 Xã: Thông Hoa
 Huyện: Cầu Kè
 Tỉnh: Trà Vinh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ van để điểm đến	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Dây hồ				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

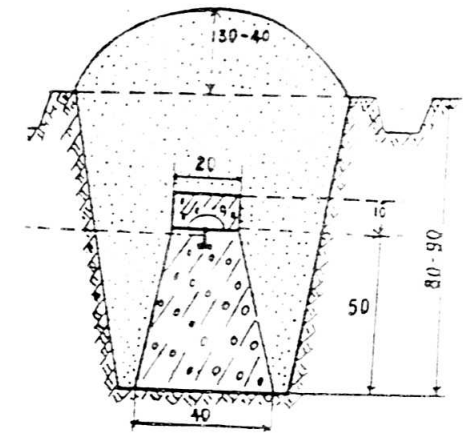
Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1/1000

Đơn vị chôn mốc, làm tường vôi: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính và công trình
 Người chôn mốc, làm tường vôi: Nguyễn Đức Khỏe
 Loại mốc: Chân 1 tầng
 Ngày 26 tháng 3 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vôi (đơn vị cm)



Vật	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Ngã ba bờ ruộng	Bắc Đông Bắc 33.4
B	Ngã ba bờ ruộng	Đông Nam 26.4
C	Góc ruộng	Tây Bắc 35.8

Điểm này: Tân dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm: Số hiệu: Cấp, hạng:

Điểm này đo nội độ cao bằng Cấp, hạng:

Đường đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM):

Từ bến xe huyện Cầu Kè theo quốc lộ 54 đi xe bus đến cầu hướng Thông Hoa khoảng 2,4 km xuống xe, rẽ trái đi đò theo rạch Bả Hai khoảng 1,2 km rồi rẽ phải đi bộ khoảng 2,5 km tới điểm (mốc chôn tại ruộng bà Tư Liên)

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm.

Ngày 26 tháng 3 năm 2000

Ngày 17 tháng 5 năm 2000

Người làm ghi chú điểm:

Người kiểm tra:

Nguyễn Đức Khỏe

Hà Văn Hy

HƯỚNG DẪN LẬP GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước cấp "O", hạng I, II, III (cơ sở), IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng. Chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cân nhắc, đảm bảo để đảm bảo khi photocopy được bản rõ nét.

1. Tên điểm: Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng (ở vùng dân tộc người ghi phiên âm trong ngoặc đơn). Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu, cấp hạng điểm: Theo quy định trong luận chung kinh tế - kỹ thuật LCKT - KT và thực tế thi công.

3. Mảnh bản đồ số: Là phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.

4. Phương pháp đo: Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ: Công nghệ GPS, đương nguyên ... và thực tế thi công.

5. Giá trị khai lược: Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến mét, kinh vĩ độ đến 0,1'.

6. Loại đất: Đất công hay tư (tư nhân sử dụng), chất đất theo thực tế. Nếu gán trên vật kiến trúc, trên đá thì ghi rõ gán trên, thép nước, nhà mái bằng, nền đá... - tên riêng, tên chủ nhà.

7. Nơi đặt mốc: Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên hệ phố, long đường phải ghi tên đường, phố.

8. Nơi gần nhất: Là tên thôn, bản, làng hoặc nhà ở gần điểm để ở trong khu dân cư gần nhất. Khoảng cách tới điểm tính từ nơi ở gần nhất và lấy đến 1 km, 0,1 km hoặc tới chục mét tùy theo điểm ở xa, gần cụ thể.

9. Người chọn, đơn vị chọn: Là tên người, đơn vị thực tế đã chọn điểm.

10. Điểm thông hướng: Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.

11. Bản đồ địa chính khu vực điểm và sơ đồ hướng: Cắt và dán bản đồ địa chính hoặc bản photocopy bản đồ địa chính, bản đồ khu vực tỉ lệ 1 : 10 000 - 1 : 50 000, mỗi cạnh lớn 10 cm. Lấy vị trí điểm làm trung tâm. Đường cắt: Hạng I, II, III, IV Nhà nước vẽ bằng ký hiệu tam giác ▲, điểm địa chính I, hạng IV vẽ bằng ký hiệu chấm tròn ●. Lỗ tam giác, đường kính vòng tròn là 1 mm và vẽ dấu. Số hiệu điểm chỉ vào các hướng trên bản đồ của điểm, số là 2,5 mm. Hướng đến điểm thông hướng vẽ mũi tên đến vị trí điểm đó (nếu điểm ở trong hướng) hoặc vẽ đến gần hướng (nếu điểm ở ngoài hướng). Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo chiều mũi tên, cao 2,5 mm. Sơ đồ hướng: Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.

12. Người dẫn đường: Là người có hồ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

13. Sơ đồ đặt mốc: Chỉ có khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai dấu mốc. Sơ đồ lấy từ sơ đồ mốc. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có mục này. Các điểm gán trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

14. Sơ đồ vẽ mặt đất: 10 x 10 cm, vẽ vật chuẩn. Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nằm trong khung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đặc, có chấm ở tâm ký hiệu.

15. Người, đơn vị chôn mốc, làm tường vây: Mục nào không làm gạch ngang để bỏ.

16. Loại mốc: Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gán trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gán trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bê thiến van (nếu trùng vào bê thiến van).

17. Hình vẽ mặt cắt: Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tường vây mới.

18. Điểm này: Tên dùng mốc cũ, giá cũ, chôn trùng mốc. Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới không gạch bỏ và không điền viết mục này.

19. Liên này do nói độ cao bằng: Công nghệ GPS, đo ảnh hình ảnh, đo ảnh tương giao. Cấp hạng: Chỉ ghi khi đạt từ kỹ thuật (hoặc tương đương) trở lên. Thí dụ: Kỹ thuật, tương đương hạng IV, hạng IV...

20. Đường đi tới điểm: Ghi rõ đi từ địa điểm cụ thể nào, bằng phương tiện gì. Nếu đi bộ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phòng chừng quãng đường.

21. Cơ quan gia cố mốc, tường vây, lập ghi chú điểm: Nếu mốc, tường vây làm mới thì không ghi mục này. Nếu làm bổ sung thì gạch ngang để bỏ phần viết không làm tương tự mục 15.

22. Người làm ghi chú điểm, người kiểm tra: Ghi rõ họ, tên, không ký tên.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Thông tin

GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM :
SỐ HIỆU : CKI-58
CẤP, HẠNG : ĐC

NĂM 2000